

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-12-2021  
V/v tranh chấp về ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh
2. Ông Trương Công Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2021/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021:

- Nguyên đơn: Anh **Hà Văn T**, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Xóm x, thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị P**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ y, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo pháp luật của anh Hà Văn T: ông Hà Ngọc B, sinh năm: 1941, Địa chỉ: Xóm x, thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hà Văn T: Bà Nguyễn Thị H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Bình.

(Anh T, chị P, ông B, bà H đều có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị P tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 07/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm 03 tháng thì chị P tự bế con về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh và gia đình anh đã nhờ chính quyền đoàn thể địa P hòa giải về đoàn tụ nhưng chị P không về chung sống cùng anh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2012 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P. Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là Hà Mai T, sinh ngày 15/10/2011 hiện nay cháu đang ở với chị P. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh hiện đang không đi lao động được nên không có thu nhập. Về phần tài sản chung: Vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng anh chị không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn, chị Phạm Thị P trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như anh T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 04 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh T đi làm về không đưa tiền cho chị nuôi con. Đã nhiều lần hai bên gia đình tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 4 năm 2012, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị P về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Hà Văn T được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung như anh P trình bày, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị đến khi con đủ 18 tuổi vì khi chị còn chung sống với nhau chị thấy anh T vẫn đi làm. Hiện nay chị có việc làm và thu nhập ổn định mỗi tháng 7.000.000đồng, chị có được mẹ chị cho nhà để mẹ con chị ở. Về phần tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng anh chị không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T có bị bệnh tâm thần, thỉnh thoảng lại bị lên cơn nhưng ngoài những lúc lên cơn thì anh T

vẫn nhận thức được. Chị không đề nghị Tòa án tuyên bố anh T bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự mà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị.

\* Tại Biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của anh Hà Văn T, ông Hà Ngọc B trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như anh T trình bày là đúng. Gia đình ông và anh T đã nhiều lần đến tìm chị P nhưng chị P không chịu về. Anh chị không còn tình cảm với nhau và đã ly thân từ tháng 4 năm 2012 đến nay. Anh T có bị mắc bệnh tâm thần nhưng không có sổ theo dõi và điều trị tâm thần, chỉ khi nào anh T phát bệnh thì gia đình ông mới đi lấy thuốc điều trị cho anh T. Đến ngày 26/3/2014, anh T được cấp giấy xác nhận khuyết tật của UBND xã Đ. Ngoài những lúc phát bệnh thì anh T vẫn nhận thức được, ông không đề nghị Tòa án tuyên bố anh T mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự mà chỉ yêu cầu giải quyết cho anh T được ly hôn với chị P. Về con chung: Anh T và chị P có 01 con chung là cháu Hà Mai T, sinh ngày 15/10/2011. Hiện nay cháu đang ở với chị P. Khi ly hôn, ông đồng ý cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Do anh T từ 3 đến 4 năm nay chỉ quanh quẩn ở nhà, không có công việc gì, không có thu nhập ổn định, vợ chồng ông cũng không có lương, nên anh T không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con cho chị P nếu chị P không nuôi được con thì chuyển về gia đình ông nuôi cháu. Về tài sản chung: Anh T và chị P không có tài sản chung và không đóng góp gì vào tài sản chung của gia đình ông nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Biên bản ghi lời khai, con chung của anh T và chị P, cháu Hà Mai T trình bày: Hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ. Mẹ cháu có công việc ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc cháu tốt. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu từ bé.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T xử cho anh T được ly hôn chị P. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hà Mai T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, do anh T bị bệnh tâm thần, không có việc làm, không có thu nhập nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị P. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh T.

\* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào

điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh T được ly hôn chị P. Giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Mai T, sinh ngày 15-10-2011. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đến khi anh T đủ điều kiện nuôi con. Về quan hệ tài sản: không xem xét giải quyết. Án phí: miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2012 đến nay, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có hòa giải cho anh chị nhưng cũng không đoàn tụ được. Xét thấy hôn nhân giữa anh T và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn chị P.

[2.2] Về quan hệ con cái: Anh T và chị P có 01 con chung là Hà Mai T, sinh ngày 15/10/2011. Xét thấy, cháu T ở với chị P từ nhỏ, chị P có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở, nguyện vọng của cháu T muốn được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Mai T. Do anh T là người khuyết tật, không có việc làm và thu nhập ổn định nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đến khi anh T có đủ điều kiện nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh T là người khuyết tật nên cần căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh T.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn T được ly hôn chị Phạm Thị P.

[2]. Về quan hệ con cái: Ly hôn, giao cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Mai T, sinh ngày 15/10/2021. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đến khi anh T đủ điều kiện nuôi con.

Anh Hà Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Hà Văn T, chị Phạm Thị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hà Văn T.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Văn T và chị Phạm Thị P, ông Hà Ngọc B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/12/2021.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 02 ngày 07/01/2011)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**

